

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2018/DS-ST
Ngày 28-11-2018
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2018/TLST- DS ngày 21 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần B; địa chỉ trụ sở: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vương Đức Th, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 18/2 Lê Văn Thịnh, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/9/2018). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; thường trú: Xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện tại: Đường Lê Văn Tiên, tổ 17, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2018, quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Vương Đức Th trình bày:

Ngày 30/10/2017, bà Nguyễn Thị N bắt đầu làm việc tại Công ty Cổ phần B (sau đây gọi tắt là Công ty), sau đó ngày 01/01/2018, bà N và Công ty ký hợp đồng lao động số 06/2018/HDLĐ-B xác định thời hạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018, chức danh trưởng phòng pháp lý, công việc chính của bà N là phụ trách tất cả các vấn đề pháp lý liên quan của Công ty và thu hồi các công nợ khó đòi.

Trong thời gian làm việc tại Công ty, từ ngày 10/11/2017 đến ngày 09/4/2018, bà N đã nhiều lần tạm ứng tiền Công ty với tổng số tiền 2.599.500.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, bà N chỉ hoàn ứng được 2.048.884.250 đồng, còn lại 550.615.750 đồng (Năm trăm năm mươi triệu sáu trăm mười lăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng) bà N chưa nộp được thủ tục quyết toán hoặc hoàn ứng cho Công ty, cụ thể:

Theo Giấy đề nghị tạm ứng chi phí bộ phận, ngày 15/12/2017, bà N tạm ứng 207.000.000 đồng và được Công ty chuyển tiền qua số tài khoản cá nhân tại Ngân hàng Sài Gòn Thương tín (Sacombank). Bà N đã hoàn ứng 205.742.000 đồng, còn lại 1.258.000 đồng chưa hoàn ứng.

Công ty Vĩnh Cơ yêu cầu thi hành án đối với công ty B nên ngày 27/12/2017, bà N tạm ứng số tiền 450.000.000 đồng để nộp tiền thi hành án và được Công ty chuyển tiền qua số tài khoản cá nhân tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) cùng ngày. Bà N đã hoàn ứng 300.000.000 đồng, còn lại 150.000.000 đồng chưa hoàn ứng.

Theo các Giấy đề nghị tạm ứng chi phí tiếp khách, ngày 25/12/2017, 03/01/2018 và 19/01/2018 bà N lần lượt tạm ứng số tiền 15.000.000 đồng và 02 lần 10.000.000 đồng, đã được Công ty chuyển tiền vào tài khoản cá nhân tại Ngân hàng Xây dựng Việt Nam (VNCB), Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) và xuất phiếu chi ngày 19/01/2018. Đối với 03 khoản tạm ứng 35.000.000 đồng như trên, bà N đã hoàn ứng 17.142.250 đồng, còn lại 17.857.750 đồng chưa hoàn ứng.

Công ty tiến hành đo đạc diện tích sử dụng đất tại Nhà máy Bình Dương nên ngày 02/3/2018, bà N tạm ứng số tiền 35.000.000 đồng để nộp phí đo đạc và được Công ty chuyển tiền vào tài khoản cá nhân tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) cùng ngày. Bà N đã hoàn ứng được 1.000.000 đồng, còn lại 34.000.000 đồng chưa hoàn ứng.

Công ty khởi kiện Công ty Cổ phần 519, Công ty Tấn Minh và Công ty Mai Lam, nên ngày 01/12/2017, bà N tạm ứng 50.000.000 đồng để nộp tiền tạm ứng án phí và được Công ty chuyển tiền vào tài khoản cá nhân tại Ngân hàng xây dựng Việt Nam (VNCB) cùng ngày. Bà N chưa thực hiện việc hoàn ứng.

Do vi phạm bản quyền thương hiệu của Công ty 620 Châu Thới và để lập vi bằng cho việc vi phạm bản quyền nên ngày 26/01/2018 và ngày 29/01/2018, mỗi ngày bà N tạm ứng số tiền 20.000.000 đồng và được Công ty chuyển tiền 02 lần vào tài khoản cá nhân tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

(Techcombank) với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Bà N chưa thực hiện việc hoàn ứng.

Theo giấy tạm ứng công chứng hồ sơ khởi kiện, ngày 16/01/2018, bà N tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng, vào ngày 26/01/2018, Công ty đã chuyển tiền vào tài khoản của bà N tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank). Bà N chưa thực hiện việc hoàn ứng.

Để đóng góp cho quỹ mùa xuân của khu phố Châu Thới, phường Bình An, ngày 26/01/2018, bà N tạm ứng số tiền 10.000.000 đồng, ngày 01/02/2018, Công ty chuyển tiền vào số tài khoản của bà N tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank). Bà N chưa thực hiện việc hoàn ứng.

Công ty thực hiện việc thay đổi hồ sơ đăng ký kinh doanh nên ngày 01/03/2018, bà N tạm ứng 5.000.000 đồng để nộp lệ phí và được Công ty chuyển tiền vào tài khoản cá nhân tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) cùng ngày. Bà N chưa thực hiện việc hoàn ứng.

Để nộp phí cho trung tâm lưu trữ về quyền sử dụng đất, ngày 16/03/2018 bà N tạm ứng số tiền 63.500.000 đồng. Ngoài ra, để nộp phí thi hành án vụ kiện Eximbank số tiền 13.500.000 đồng và phí thi hành án vụ kiện Ngọc Đông Dương số tiền 13.500.000 đồng, ngày 16/03/2018, bà N tạm ứng 27.000.000 đồng. Tổng số tiền của 03 khoản tạm ứng trên là 90.500.000 đồng được Công ty chuyển tiền vào tài khoản của bà N tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) cùng ngày tuy nhiên cho tới nay vẫn chưa hoàn ứng.

Để thanh toán tiền phí thi hành án dân sự theo Quyết định 134/QĐ-CCTHADS ngày 24/7/2017 đối với vụ án Công ty Pacific, ngày 07/12/2017, bà N tạm ứng 36.000.000 đồng và được Công ty xuất phiếu chi cùng ngày. Ngày 16/3/2018, bà N tiếp tục tạm ứng thêm 111.000.000 đồng để nộp tiền phí thi hành án đối với vụ án trên và được Công ty chuyển tiền vào tài khoản cá nhân tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) cùng ngày. Đối với 02 khoản tạm ứng với tổng số tiền 147.000.000 đồng này hiện bà N vẫn chưa hoàn ứng.

Từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay, bà N nghỉ thai sản theo chế độ, vì vậy, theo Quy định hồ sơ thanh toán số 907/QĐ-BT6 ngày 29/7/2017, Công ty đã nhiều lần yêu cầu bà N thực hiện thủ tục hoàn ứng số tiền trên. Ngày 27/07/2018, Công ty đã gửi Thông báo số 1407/2018/HR cho bà N hẹn đến Công ty làm việc về hoàn ứng các khoản tiền còn lại tuy nhiên, bà N hẹn hết lần này đến lần khác mà không đến Công ty. Việc làm của bà N đã gây ra rất nhiều thiệt hại cho Công ty.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, bà Nguyễn Thị N đã hoàn trả cho Công ty 236.000.000 đồng thông qua Giấy nộp tiền mặt tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện nguyên đơn thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc bà Nguyễn Thị N hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần B số tiền còn thiếu là 314.615.750 đồng (Ba trăm mười bốn triệu sáu trăm mười lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị N không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty B là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 08/11/2018 và 28/11/2018 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N hoàn trả số tiền tạm ứng 550.615.750 đồng của Công ty Cổ phần B, tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện, buộc bà Nguyễn Thị N hoàn trả cho Công ty Cổ phần B số tiền còn thiếu là 314.615.750 đồng (Ba trăm mười bốn triệu sáu trăm mười lăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà N không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, và cũng không có yêu cầu phản tố, nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Từ ngày 30/10/2017, bà Nguyễn Thị N làm việc tại Công ty Cổ phần B và ký hợp đồng lao động số 06/2018/HDLĐ-B xác định thời hạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/11/2017 đến ngày 09/4/2018, bà Nguyễn Thị N với danh nghĩa là nhân viên và trưởng phòng pháp lý đã nhiều lần tạm ứng tiền của Công ty để phục vụ cho công việc được giao là đại diện Công ty giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan và thu hồi các công nợ khó đòi với

tổng số tiền 2.599.500.000 đồng (Hai tỷ năm trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày bà N đã quyết toán cho Công ty 2.048.884.250 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi tám triệu tám trăm tám mươi tư nghìn hai trăm năm mươi đồng), đến ngày 26/11/2018, bà Nguyễn Thị N tiếp tục hoàn trả cho Công ty 236.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng) tiền mặt theo Giấy nộp tiền mặt do Công ty cung cấp cho Tòa án, đây là tình tiết được nguyên đơn thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét thấy, bà Nguyễn Thị N đã nhận đủ số tiền tạm ứng để phục vụ cho công việc của Công ty thông qua các phiếu chi, phiếu báo nợ, phiếu chuyển tiền do Công ty cung cấp cho Tòa án. Theo Quy định hồ sơ thanh toán số 907/QĐ-BT6 ngày 29/7/2017 của Công ty, hồ sơ hoàn tạm ứng gồm: giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, bảng kê chi tiết nội dung thanh toán và hóa đơn bản chính, hợp lệ đúng quy định, các chứng từ liên quan khác; quy định thời gian hoàn tạm ứng là trong vòng 01 tháng kể từ ngày tạm ứng hoặc khi có yêu cầu của Công ty. Theo bảng trích thông tin tạm ứng tiền và hoàn ứng tiền của Công ty cung cấp, thời gian cuối cùng bà N tạm ứng tiền là ngày 09/4/2018, căn cứ vào quy định trên, thời gian xuất trình các giấy tờ hoàn tạm ứng của bà N đã hết. Vì vậy, ngày 27/07/2018, Công ty đã gửi Thông báo số 1407/2018/HR mời làm việc về các khoản tiền chưa hoàn ứng nhưng bà N không đến. Khi Công ty khởi kiện tại Tòa án, bà N cũng chỉ trả được 01 phần số tiền cho Công ty thông qua chuyển tiền tại Ngân hàng, còn lại 314.615.750 đồng (Ba trăm mười bốn triệu sáu trăm mười lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng), bà Nguyễn Thị N vẫn chưa hoàn tất thủ tục hoàn ứng theo quy định của Công ty và cũng chưa thanh toán bằng tiền mặt lại cho Công ty. Do bà Nguyễn Thị N đã vi phạm quy định thanh toán của Công ty nên Công ty yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả lại số tiền này là có cơ sở.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần B đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N về việc kiện đòi tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị N hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần B số tiền tạm ứng là 314.615.750 đồng (Ba trăm mười bốn triệu sáu trăm mười lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu số tiền 15.730.787 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm ba mươi nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng).

Trả lại cho Công ty Cổ phần B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0020179 ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mỹ Dung